

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Về việc mua sắm nguyên vật liệu, hóa chất và vật tư phục vụ đề tài nghiên cứu

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh, cung cấp nguyên vật liệu, hóa chất và vật tư tiêu hao

Trước hết Bệnh viện Quân y 103 xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp, hợp tác của các đơn vị, nhà cung cấp với Bệnh viện trong suốt thời gian qua.

Hiện nay, Bệnh viện có nhu cầu mua sắm nguyên vật liệu, hóa chất và vật tư tiêu hao phục vụ nghiên cứu khoa học. Để có cơ sở lập dự toán, kế hoạch mua sắm, Bệnh viện kính mời các đơn vị có khả năng cung cấp hàng hóa gửi báo giá về Bệnh viện Quân y 103 theo các thông tin sau:

1. Danh mục, số lượng, chất lượng hàng hóa (Phụ lục I).
2. Nội dung báo giá
 - Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá (đã bao gồm thuế, chi phí vận chuyển, giao hàng,... tại Bệnh viện Quân y 103, số 261 đường Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
 - Giấy đăng ký kinh doanh.
3. Thời gian nhận báo giá: Bắt đầu kể từ ngày ra thông báo đến hết ngày 11/11/2024 (hoặc khi nhận đủ báo giá theo quy định).
4. Phương thức báo giá: Báo giá gửi trực tiếp hoặc qua đường công văn, bưu điện.
5. Địa điểm nhận báo giá: Ban KHQS/Bệnh viện Quân y 103. Địa chỉ: số 261 đường Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Tài chính;
- Ban CNĐT;
- Lưu: VT, KHQS.T03.



GIÁM ĐỐC

Đại tá Lương Công Thúc

DANH MỤC HOÁ CHẤT VẬT TƯ PHỤC VỤ ĐỂ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

(Kèm theo Thư mời ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bệnh viện Quân y 103)



TT	Tên hàng hóa	Mô tả	Đơn vị tính	Quy cách tham chiếu	SL
1	GeneJET viral DNA and RNA purification kit	<p>Dùng tách chiết và tinh sạch DNA/ RNA từ virut bằng công nghệ cột silic</p> <p>Loại mẫu: Sữa, huyết tương, nước bọt, huyết thanh, gạc (mũi, má hoặc niệu sinh dục), nước tiểu, máu toàn phần</p> <p>Thành phần:</p> <p>Proteinase K $\geq 1,3$ mL/1 lọ x 2 lọ</p> <p>ARN mang $\geq 0,02$ mL</p> <p>Dung Dịch Ly Giải ≥ 12 mL</p> <p>Wash Buffer 1 (conc.) ≥ 25 mL</p> <p>Wash Buffer 2 (conc.) ≥ 11 mL</p> <p>Dung môi $\geq 1,25$ mL/1 lọ x 3 lọ</p> <p>Chất lỏng chuẩn bị cột $\geq 1,4$ mL/1 lọ x 2 lọ</p>	Hộp	50 pu/Hộp	15
2	Kít sàng lọc REALSTAR CMV PCR KIT 1.0	<p>Phát hiện và định lượng DNA đặc hiệu cytomegalovirus (CMV)</p> <p>Đạt chứng chỉ CE-IVD</p> <p>Thành phần:</p> <p>Blue Master A ≥ 60ml/1 lọ x 8 lọ</p> <p>Purple Master B ≥ 180ml /1 lọ x 8 lọ</p> <p>Green Internal Control ≥ 1000ml/1 chai</p> <p>Red QS1-4 ≥ 250ml/1 chai x 4 chai nước (PCR grade) ≥ 500ml/1 chai</p>	Hộp	96 pu/Hộp	5
3	Kít sàng lọc RealStar Parvovirus B19 PCR Kits	<p>Phát hiện và định lượng DNA parvovirus B19</p> <p>Đạt chứng chỉ CE-IVD</p> <p>Thành phần:</p> <p>Blue Master A ≥ 60ml/1 lọ x 8 lọ</p> <p>Purple Master B ≥ 180ml/1 lọ x 8 lọ</p> <p>Green Internal Control ≥ 1000ml/1 chai</p> <p>Red QS1-4 ≥ 250ml/1 chai x 4 chai nước (PCR grade) ≥ 500ml/1 chai</p>	Hộp	96 pu/Hộp	5

TT	Tên hàng hóa	Mô tả	Đơn vị tính	Quy cách tham chiếu	SL
4	Kít sàng lọc RealStar BKV PCR Kits	Phát hiện và định lượng DNA vi rút BK (BKV). Đạt chứng chỉ CE-IVD Thành phần: Blue Master A ≥ 60ml/1 lọ x 8 lọ Purple Master B ≥ 180ml/1 lọ x 8 lọ Green Internal Control ≥ 1000ml/1 chai Red QSI-4 ≥ 250ml/1 chai x 4 chai nước (PCR grade) ≥ 500ml/1 chai	Hộp	96 pu/Hộp	5
5	SensiFAST SYBR No-ROX Kit	Khuếch đại phản ứng nhân gene thời gian thực có mix sẵn SYBR Thành phần: 5 ống ≥ 1ml SensiFAST SYBR® No-ROX mix (2x)	Hộp	500 pu/Hộp	3
6	TaqMan Reagents Starter Kit	Dùng phát hiện và định lượng trình tự 18S rRNA của Eukaryote nhằm phân tích biểu hiện gen 18S. Thành phần: TaqMan™ Universal PCR Master Mix, No AmpErase™ UNG 1.25ml, Eukaryotic 18S rRNA TaqMan™ Assay 0.025ml (với hai đoạn môi PCR không dán nhãn và một đầu dò TaqMan™ có dán nhãn), cùng với một mẫu cDNA Raji của người 0.05ml.	Hộp	125 pu/Hộp	3
7	Agarose	Dạng bột màu trắng. Dùng trong điện di acid nucleic trên gel.	Lọ	500g/Lọ	2
8	GeneRuler 1 kb plus DNA Ladder	Thang DNA 1kb dùng để định cỡ và định lượng gần đúng DNA sợi kép trong khoảng từ 75 bp đến 20.000 bp trên gel agarose. Bao gồm 15 đoạn DNA và được cung cấp Thuốc nhuộm tải DNA 6X TriTrack.	Hộp	Hộp	1
9	GeneRuler 100 bp DNA Ladder	Thang DNA 100 bp dùng để định cỡ và định lượng gần đúng DNA sợi kép trong khoảng từ 100 bp đến 1.000 bp trên gel agarose hoặc polyacrylamide. Bao gồm 10 đoạn DNA và được cung cấp Thuốc nhuộm tải DNA 6X TriTrack.	Hộp	Hộp	1
10	UltraPure Ethidium Bromide	Dùng phát hiện axit nucleic trong gel agarose và gradien Cesium chloride (CsCl). Dạng dung dịch chứa 10 mg/ml UltraPure™ Ethidium Bromide	Hộp	Hộp	1
11	ReadyMix Taq PCR	Khuếch đại phản ứng nhân gene, mục tiêu có độ dài lên tới 7 kb	Hộp	Hộp	3

TT	Tên hàng hóa	Mô tả	Đơn vị tính	Quy cách tham chiếu	SL
	Reaction Mix	Bao gồm dNTP Thể tích phân ứng $\geq 50 \mu\text{L}$			
12	GenElute PCR Clean-Up Kit	Dùng tinh sạch các sản phẩm khuếch đại PCR sợi đơn hoặc sợi kép (100 bp đến 10 kb)	Hộp	50 pư/Hộp	10
13	Mồi full gene	Cặp mồi full gene Nồng độ 250nm	Cặp mồi	Cặp mồi	30
14	Mồi đặc hiệu cho Real-time PCR	Cặp Mồi đặc hiệu cho Real-time PCR Nồng độ 250nm	Cặp mồi	Cặp mồi	3
15	Mồi Universal	Cặp Mồi Universal Nồng độ 250nm	Cặp mồi	Cặp mồi	2
16	3'-5' Probe	Probe trình tự 3'-5' Nồng độ 100nm	Cặp	Cặp	4
17	TruSeq DNA PCR Sample Preparation	Dùng chuẩn bị thư viện cho giải trình tự toàn bộ bộ gene Quy trình làm việc không dùng gel được rút ngắn giúp loại bỏ nhu cầu PCR Kích thước chèn mục tiêu 350 bp hoặc 550 bp Tương thích hệ thống HiSeq 3000, HiSeq 4000, HiSeq X Five, HiSeq X Ten, MiniSeq, MiSeq, MiSeqDx ở Chế độ nghiên cứu, NextSeq 1000, NextSeq 2000, NextSeq 500, NextSeq 550, NovaSeq 6000	Hộp	48 phần ứng/Hộp	2
18	Agilent High Sensitivity DNA Kit	Bộ kit dùng để phân tách, định cỡ và định lượng các mẫu DSDNA có số lượng hạn chế và có kích thước từ 50 - 7000 bp. Nồng độ đệm tối đa trong mẫu: 1mM EDTA 10 mM Tris Độ chính xác định lượng: 20% Phạm vi định lượng: 5-500 pg/ μL Độ lặp lại định lượng: 2000-7000 bp: 10 % CV 50-2000 bp: 15 % CV	Hộp	110 phần ứng/Hộp	1
19	KAPA Library Quantification Kit	Bộ kit định lượng thư viện KAPA dựa trên phương pháp qPCR. Các thư viện giải trình tự (NGS) được chuẩn bị để giải trình tự trên nền tảng Illumina Thành phần: KAPA SYBR FAST DNA Polymerase	Hộp	Hộp	1

TT	Tên hàng hóa	Mô tả	Đơn vị tính	Quy cách tham chiếu	SL
		Primer IT A: 5'-CCA TCT CAT CCC TGC GTG TC - 3' Primer IT trPI: 5'-CCT CTC TAT GGG CAG TCG GTG AT-3' Phạm vi nồng độ đường chuẩn: 20-0,0002 pM			
20	Next Seq 500/550 High output ver.2.5 Kit	Bộ kit giải trình tự thông lượng cao ver.2.5 Số lần đọc tối đa mỗi lần chạy: 400 triệu cụm (bộ công suất cao), 130 triệu cụm (bộ công suất trung bình) Tương thích hệ thống: NextSeq 500, NextSeq 550	Hộp	75 chu kỳ/Hộp	1
21	RNase	Dùng trong phân tích sự phân mảnh DNA bằng điện di trên gel agarose. Nguồn gốc: Tụy bò Dạng bột khô (điều chế từ ribonuclease kết tinh)	Ống	500µl/Ống	2
22	DNase	Dùng thủy phân các liên kết phosphodiester tạo ra các mono- và oligodeoxyribonucleotide với các nhóm 5'-phosphate và 3'-OH. Số lượng: ≥ 1,000 units	Ống	500µl/Ống	2
23	Hi-Di Formamide	formamid khử ion cao sử dụng để tái tạo huyền phù mẫu trước khi tiêm điện động học trên hệ thống điện di mao quản. Bảo quản: -15 đến -25°C	Lọ	5ml/Lọ	5
24	POP 7 polymer	POP-7 polymer được tối ưu hóa để phân tích trình tự đọc từ ngắn đến dài và phân tích đoạn. Tương thích máy: SeqStudio™ Flex và 3500 series instruments	Lọ	7ml/Lọ	1
25	Matrix Standard Kit	Dùng tạo ra "ma trận đa thành phần" khi phân tích các đoạn DNA được đánh dấu 6-FAM, VIC, NED, PET và LIZ Chứa 5 oligonucleotide có nhãn thuốc nhuộm trong dung dịch 1X TE.	Hộp	8 lần chạy/Hộp	1
26	FastStart Essential DNA Green Master Kit	Sử dụng để khuếch đại và phát hiện DNA hoặc cDNA, kể cả những mục tiêu giàu GC- hoặc AT. Mix sẵn SYBR Green	Hộp	200 pu/Hộp	1
27	BigDye Terminator v3.1	Dùng giải trình tự de novo, sắp xếp lại trình tự và hoàn thiện sản phẩm PCR, plasmid, fosmid và các mẫu BAC Nền mẫu: DNA BAC, DNA Lambda, DNA bộ gen (Vi khuẩn), DNA sợi đơn, Sản phẩm khuếch đại vòng tròn lần, Fosmid, Bộ khuếch đại PCR (Dị hợp từ 50:50), DNA plasmid (≤15Kb), Bộ	Hộp	24 pu/Hộp	1

TT	Tên hàng hóa	Mô tả	Đơn vị tính	Quy cách tham chiếu	SL
		<p>khuếch đại PCR</p> <p>Thành phần:</p> <p>tube of BigDye™ Terminator v3.1 Ready Reaction Mix ≥ 800μl/1 tube</p> <p>1 tube M13 (-21) Primer</p> <p>1 tube pGEM Control DNA</p> <p>tubes of 5X Sequencing Buffer ≥ 1 ml/1 tube x 2 tube</p> <p>Dùng loại bỏ các muối và chất kết thúc BigDye™ chưa hợp nhất.</p> <p>Sản phẩm cuối: DNA</p> <p>Thời gian làm việc: 40 phút</p> <p>Thành phần:</p> <p>Dung dịch XTerminator™ (bảo quản ở 4°C)</p> <p>Dung dịch SAM™</p>	Hộp	100 pur/Hộp	1
28	BigDye XTerminator Purification Kit				
29	EDTA	Bột tinh thể màu trắng	Lọ	Lọ	2
30	DEPC	Hàm lượng: ≥ 99%			
		Nước xử lý bằng DEPC không chứa nuclease	Chai	500ml/Chai	2
31	Ethanol, 99.8%	Dạng: thể lỏng, không màu			
		Độ pH: 7,0 ở 10 g/l 20 °C	Chai	1L/Chai	3
		Độ tinh khiết: ≥ 98%			
32	Methanol, 99.8%	Dạng: thể lỏng, không màu	Chai	2,5L/Chai	1
		Độ tinh khiết: ≥ 99.8%			
33	Môi trường LB	Dạng bột			
		Sinh vật đích: E.coli			
		Công thức trên một lít:			
		SELECT Peptone 140 ≥ 10g			
		Chiết xuất nấm men SELECT ≥ 5g	Lọ	500g/Lọ	2
		natri clorua ≥ 10g			
34	Chủng gốc E.coli DH5α	Chủng E. coli DH5α được sử dụng làm chủng chủ nhân bản vector tái tổ hợp	Ống	Ống	1
35	Vector pJET1.2/blunt	Plasmid sử dụng sao chép in vitro	Hộp	Hộp	1
		Kích thước xương sống không chèn (bp)2974			

TT	Tên hàng hóa	Mô tả	Đơn vị tính	Quy cách tham chiếu	SL
		Tổng kích thước vector (bp)3613			
36	2 Enzyme cắt giới hạn	Các enzym xác định vị trí và liên kết với các trình tự cụ thể (các vị trí giới hạn) trên các phân tử DNA và cắt DNA thành các đoạn tại hoặc gần các vị trí đó	Hộp	Hộp	2
37	Ampicillin	Kháng sinh chống nhiễm khuẩn Cấu trúc hóa học: β -lactam Hàm lượng: $\geq 95.0\%$ ở thể khan (NT)	Hộp	Hộp	2
38	Glycerol 99%	Dạng: Lỏng Dùng cho sinh học phân tử Hàm lượng: $\geq 99.0\%$	Chai	1L/Chai	2
39	Tris base	CTHH: C4H11NO3. Tris base được sử dụng như là chất đệm của TBE hoặc TAE.	Chai	500ml/Chai	2
40	HCl, 37%	CTHH: HCl Dạng: lỏng, không màu Nồng độ: $\geq 37\%$	Chai	1L/Chai	2
41	Glycine	CTHH: C2H5NO2, dạng rắn, màu trắng Hóa chất được sử dụng trong phòng thí nghiệm: sử dụng để điều chế chất đệm điện di Tris Gi Glycine và dùng trong môi trường nuôi cấy Nồng độ: 98.5 – 101%	Chai	100g/Chai	2
42	SDS	SDS 4-Chloro-3,5-dimethylphenol dạng tinh thể CTHH: C8H9ClO Độ tinh khiết: $\geq 99\%$	Lọ	100 g/Lọ	1
43	Ethanol	CTHH: C2H5OH. Là chất lỏng, không màu.	Lọ	1L/Lọ	10
44	Nước khử ion dùng cho sinh học phân tử	Dung dịch không màu Dung dịch không chứa bất kỳ màu nhuộm nào có thể làm ó vàng hoặc nhiễm màu môi nuôi hoặc cell tham chiếu của điện cực.	Lọ	250 ml/Lọ	10
45	Ống chống đông EDTA	Thân ống được làm bằng chất liệu nhựa PET kích thước 13x75mm $\pm 1\%$, có nắp vụn Được phun hóa chất chống đông K2/K3 EDTA	Thùng	1800 ống/Thùng	5
46	Bông	Sản xuất từ bông xơ thiên nhiên, lớp bông màu trắng đồng nhất,	Kg	Kg	5

TT	Tên hàng hóa	Mô tả	Đơn vị tính	Quy cách tham chiếu	SL
		không mùi; Tiết trùng bằng hơi nước. Bông dạng dài được xếp thành khối hình hộp hoặc hình trụ.			
47	Còn y tế 70 độ	Dung dịch có hàm lượng Ethanol 70%	Chai	500ml/Chai	10
48	Panh	Chất liệu thép không gỉ, không có máu, cỡ ≥ 12 cm	Cái	Cái	5
49	Bơm tiêm 5cc	Bằng nhựa y tế, khử vô trùng bằng khí EO. Không độc, không gây sót, dùng 1 lần. Túi 1 bơm kèm kim, kim sắc lắp khít với bơm không rò, bơm có pit tổng trơn và khít ống. Dung tích 5ml	Hộp	100 cái/Hộp	10
50	Kim tiêm 20G	Chất liệu thép không gỉ, vô khuẩn đơn chiếc, các số.	Hộp	100 cái/Hộp	10
51	Găng tay cao su không bột	Đàn hồi tốt, không bột, chất liệu: Cao su nhân tạo, các cỡ	Hộp	50 đôi/Hộp	15
52	Hộp bảo quản mẫu	Cấu tạo 10x10 cho giữ 100 ống 2,0ml	Hộp	Hộp	10
53	Ống Eppendorf 0.2 ml	Làm từ nhựa cao cấp PP	Túi	1000 cái/Túi	5
54	Ống Eppendorf 1.5 ml	Ống 0,2 ml, vô trùng, có nắp, Không chứa DNA/RNA, không chứa nội độc tố. Chịu được ăn mòn hoá học	Túi	500 cái/Túi	5
55	Ống Eppendorf 2 ml	Ống 1,5 ml, vô trùng, có nắp, Không chứa DNA/RNA, không chứa nội độc tố. Chịu được ăn mòn hoá học	Túi	500 cái/Túi	5
56	Đầu tip 0.1 ml, có lọc	Ống 2,0 ml, vô trùng, có nắp, Không chứa DNA/RNA, không chứa nội độc tố. Chịu được ăn mòn hoá học	Hộp	96 cái/Hộp	100
57	Đầu tip 0.2 ml, có lọc	Đầu tip thể tích 100 μ L; Chất liệu: polypropylene; Có lọc và tiết trùng. Lớp lọc làm bằng chất liệu sintered polyethylene. Không chứa: RNase/Dnase, DNA, Pyrogen, ATP, PCR inhibitors, nội độc tố.	Hộp	96 cái/Hộp	100
58	Đầu tip 1 ml, có lọc	Đầu tip và hộp đựng đều tiết trùng; Sử dụng được với nhiều loại pipette.	Hộp	96 cái/Hộp	50
		Đầu tip thể tích 200 μ L; Chất liệu: polypropylene; Có lọc và tiết trùng. Lớp lọc làm bằng chất liệu sintered polyethylene. Không chứa: RNase/Dnase, DNA, Pyrogen, ATP, PCR inhibitors, nội độc tố.			
		Đầu tip và hộp đựng đều tiết trùng; Sử dụng được với nhiều loại pipette.			
		Đầu tip thể tích 1.000 μ L; Chất liệu: polypropylene; Có lọc và tiết			

TT	Tên hàng hóa	Mô tả	Đơn vị tính	Quy cách tham chiếu	SL
		<p>trùng. Lớp lọc làm bằng chất liệu sintered polyethylene. Không chứa: RNase/Dnase, DNA, Pyrogen, ATP, PCR inhibitors, nội độc tố.</p> <p>Đầu tip và hộp đựng đều tiệt trùng</p> <p>Sử dụng được với nhiều loại pipette.</p>			
59	Ống Falcon 15 ml	<p>Ống ly tâm, nắp vận đã tiệt trùng.</p> <p>Chất liệu: polystyren, đã bao gồm nắp ống; Dung tích: 15 ml ± 5%</p> <p>Có chia vạch định mức thể tích.</p> <p>Có dải màng nhám đục để ghi nhãn mác.</p> <p>Không chứa nội độc tố, nonpyrogenic.</p> <p>Không nhiễm Rnase/Dnase/Protease</p>	Túi	50 ống/Túi	8
60	Ống Falcon 50 ml	<p>Ống ly tâm, nắp vận đã tiệt trùng.</p> <p>Chất liệu: polystyren, đã bao gồm nắp ống; Dung tích: 50 ml ± 5%</p> <p>Có chia vạch định mức thể tích.</p> <p>Có dải màng nhám đục để ghi nhãn mác.</p> <p>Không chứa nội độc tố, nonpyrogenic.</p> <p>Không nhiễm Rnase/Dnase/Protease</p>	Túi	25 ống/Túi	8
61	Parafilm	<p>Kích thước: 5cm x 76,2m sử dụng cho các dụng cụ nhỏ như ống thí nghiệm, bình đựng mẫu hoặc để che phủ những bề mặt.</p>	Hộp	Hộp	1
62	Đĩa petri thủy tinh	<p>Đĩa petri thủy tinh 120x20mm.</p> <p>Bề mặt nắp phẳng, không bọt và vết thủy tinh.</p> <p>Làm bằng thủy tinh soda-lim</p>	Đĩa	Đĩa	20
63	Chai thủy tinh nắp nhựa 250 ml	<p>Chất liệu thủy tinh, có nắp nhựa</p> <p>Dung tích: 250 ml ± 5%</p> <p>Có thể hấp tiệt trùng</p>	Chai	Chai	5
64	Chai thủy tinh nắp nhựa 500 ml	<p>Chất liệu thủy tinh, có nắp nhựa</p> <p>Dung tích: 500 ml ± 5%</p> <p>Có thể hấp tiệt trùng</p>	Chai	Chai	5
65	Chai thủy tinh nắp nhựa 1000 ml	<p>Chất liệu thủy tinh, có nắp nhựa</p> <p>Dung tích: 1.000 ml ± 5%</p> <p>Có thể hấp tiệt trùng</p>	Chai	Chai	5